TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẦU GIẤY** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **174**/2020/QĐST-HNGĐ	*Cầu Giấy, ngày 29 tháng 05 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ và Khoản 4 Điều 397; Khoản 1, Khoản 2 Điều 212; Điều 213 - Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 1, Khoản 3 Điều 37-Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 150/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 04 năm 2020 về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn"* giữa:

Người yêu cầu: **1. Chị Nguyễn Thu T**, sinh năm 1982;

Số Căn cước công dân: 001182008844 do Cục cảnh sát ĐKQL và DLQG về dân cư cấp ngày 24/05/2018;

HKTT: thôn Yên T, xã Tản L, huyện B V, Hà Nội;

Tạm trú: Tổ 24, phường Mai D, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội;

2. Anh Nguyễn Anh T1, sinh năm 1982;

Số Căn cước công dân: 026082006069 do Cục cảnh sát ĐKQL và DLQG về dân cư cấp ngày 01/04/2019;

HKTT: Thôn Làng C, xã Văn Q, huyện Lập T, tỉnh Vĩnh P;

Tạm trú: Tổ 24, phường Mai D, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thu T và anh Nguyễn Anh T1 đăng ký kết hôn ngày 17/11/2006 tại Uỷ ban nhân dân xã Văn Quán, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan

điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Anh chị đã cố gắng hàn gắn với nhau nhiều lần nhưng tình trạng mâu thuẫn không được cải thiện, vợ chồng không thể hòa hợp và không còn yêu thương nhau nữa. Nay chị T và anh T1 xác định tình cảm không còn, vì vậy anh chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn để ổn định lại cuộc sống.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thu T và anh Nguyễn Anh T1 có 03 con chung là cháu Nguyễn Thiên Bảo L (giới tính nữ), sinh ngày 24/12/2007, cháu Nguyễn Tuấn M (giới tính nam), sinh ngày 08/04/2015 và cháu Nguyễn Thiên Bảo A (giới tính nữ), sinh ngày 02/10/2013. Ly hôn, anh chị thỏa thuận: Giao cả 03 cháu L, cháu M và cháu Bảo A cho chị Nguyễn Thu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh T1 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 4.000.000 đồng/tháng/cháu *(bốn triệu đồng/tháng/cháu)* kể từ tháng 06/2020 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thu T và anh Nguyễn Anh T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thu T và anh Nguyễn Anh T1 không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Chị Nguyễn Thu T tự nguyện nhận nộp cả 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* lệ phí việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Xét thấy: Việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 21 tháng 05 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thu T và anh Nguyễn Anh T1.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thu T và anh Nguyễn Anh T11 có 03 con chung là cháu Nguyễn Thiên Bảo L (giới tính nữ), sinh ngày 24/12/2007, cháu Nguyễn T M (giới tính nam), sinh ngày 08/04/2015 và cháu Nguyễn Thiên Bảo A (giới tính nữ), sinh ngày 02/10/2013. Giao cháu Nguyễn Thiên Bảo L, cháu Nguyễn Tuấn M và cháu Nguyễn Thiên Bảo A cho chị Nguyễn Thu T trực tiếp chăm sóc,

nuôi dưỡng; Anh T1 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 4.000.000 đồng/tháng/cháu *(bốn triệu đồng/tháng/cháu)* kể từ tháng 06/2020 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định pháp luật khác thay thế.

Anh Nguyễn Anh T có quyền đi lại chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thu T và anh Nguyễn Anh T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên tòa án không xem xét.

- Về nợ chung: Chị Nguyễn Thu T và anh Nguyễn Anh T1 không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thu T tự nguyện nhận nộp cả 300.000 đồng *(Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng)* lệ phí sơ thẩm giải quyết việc Hôn nhân và gia đình, được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* chị đã nộp tạm ứng lệ phí tại biên lai số AA/2018/0003396 ngày 24/04/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cầu Giấy. Chị T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q.Cầu Giấy;
- Chi cục THADS Q.Cầu Giấy;
- UBND xã Văn Quán, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh phúc (GCNKH số 37, quyển số 01/2006);
- Lưu HS, VP.

Tạ Thị Thu Hương